

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÁN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ - ST

Ngày 01 tháng 8 năm 2024

“ V/v ly hôn, con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÁN THI - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá H

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang C

Bà Dương Thị Thu H

Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ

Văn T - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/DSST - QĐXX ngày 28/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 2001

Bị đơn: Anh Hà Đức T, sinh năm 1999

HKTT: Thị Tân, Tân Phúc, Ân Thi, Hưng Yên

Người có QLNVLQ: Cháu Hà Quốc B, sinh năm 2023

Người đại diện cho cháu Bảo: Chị L

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trung vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 của chị L và các lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Phạm Thị L và anh Hà Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2022. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con chung, mặt khác anh T mãi chơi cờ bạc, hay giao du với các thành phần không tốt trong xã hội, thường xuyên đi chơi qua đêm, nợ tiền của nhiều người, nhiều lần anh T lấy tiền của chị L, tiền mừng đám cưới cũng lấy đi để chi tiêu cá nhân, bản chị chị L cũng nhiều lần nói chuyện thẳng thắn, động viên, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, từ tháng 03/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, chị L xác định không

còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Hà Quốc Bảo, sinh năm 2023, nguyện vọng của chị L mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm gia đình chị L trình bày: Trước khi chị L lấy anh T gia đình cũng đã ngăn cản, cấm đoán vì đã hiểu rõ con người anh T là người như thế nào, do quyết tâm đến với nhau nên gia đình hai bên cũng chấp nhận, chị L, anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Cuộc sống vợ chồng chị L, anh T không hòa thuận, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, giao du với nhiều thành phần không tốt trong xã hội, bỏ mặc vợ, con, gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không thay đổi, từ tháng 03/2023 vợ chồng anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Gia đình nhìn nhận hạnh phúc vợ chồng không còn nên nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị L. Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung tên Hà Quốc Bảo, sinh năm 2023. Vợ chồng chị L, anh T không có tài sản chung.

Quan điểm gia đình anh T trình bày: Vợ chồng chị L, anh T lấy nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại địa phương. Trong cuộc sống chị L là người con dâu hiếu thảo, quan tâm, vun vén cho gia đình, trong khi đó anh T lại mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ, con, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, gia đình cũng đã khuyên bảo anh T nhiều nhưng không có thay đổi, từ tháng 03/2023 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Gia đình cũng mong muốn Tòa án xem xét cho vợ chồng chị L được ly hôn để ổn định cuộc sống cho mẹ con chị L. Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung tên Hà Quốc Bảo, sinh năm 2023. Vợ chồng chị L, anh T không có tài sản chung.

Biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc thể hiện: Chị L, anh T có hộ khẩu thường trú ở địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T như thế nào thì địa phương không nắm được, qua nắm bắt tình hình an ninh ở địa phương được biết vợ chồng chị L, anh T không chung sống cùng nhau. Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung tên Hà Quốc Bảo, sinh năm 2023. Vợ chồng chị L, anh T không có tài sản chung.

Đối với anh T, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không xác định được yêu cầu, đề nghị của anh T trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 73, 78 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Bảo cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Hà Đức T. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Hà Đức T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Thị Tân, xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị L, anh T: Chị L, anh T xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2022, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị L có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị L cũng như gia đình anh T, gia đình chị L có cơ sở khẳng định cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T không có hạnh phúc, vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn và đã có thời gian dài sống ly thân, vấn đề sinh hoạt vợ chồng cũng đã chấm dứt, bản thân anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tổ chức phiên hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do, điều đó cũng thể hiện một phần trách nhiệm của anh T trong hôn nhân đối với chị L là không có. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn cũng đã quá trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Hà Quốc Bảo, sinh năm 2023. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, điều này đã thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người mẹ đối với con chưa thành niên, việc giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ căn cứ vào điều kiện thực tế của chị L, chị L buôn bán hàng online, thu nhập hàng tháng ổn định, có chỗ ở ổn định, hơn nữa cháu Bảo còn rất nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó để tránh sáo trộn về tâm lý cũng như ổn định cuộc sống cho con chung, cần thiết phải giao cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Hà Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Hà Quốc B, sinh năm 2023 đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000792 ngày 15/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phúc;
- THADS;
- ;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Bá H

